TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Bà Trần Thị Kim Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị A trình bày tóm tắt như sau:

Bà và Ông Trần Văn C cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/8/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do ông Cường thường xuyên

uống rượu say sỉn về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập bà. Bà có nhiều lần khuyên ông thay đổi nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Cường.

Về con chung: Bà A xác định bà với ông Cường có 02 đứa con chung tên Trần Văn Trường, sinh ngày 10/6/2001 và Trần Văn Nhơn, sinh ngày 12/02/2003. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông Cường cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn Trần Văn Cường đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Cường không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Bà A. Ông Cường cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Nguyên đơn Phạm Thị Ăn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, ông Cường đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện nội dung khởi kiện của Bà A nhưng ông Cường không có ý kiến trình bày, không đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Bà A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Trần Văn Cường đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A và Ông Trần Văn C cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2007 ngày 08/8/2007, nên quan hệ hôn nhân của Bà A và ông Cường chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Cường đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc Bà A xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông Cường không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa Bà A xác định không còn tình cảm gì với ông Cường và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà A đối với ông Cường.

3. Về quyền nuôi con chung: Ông Cường không có ý kiến nào phản đối yêu cầu của Bà A về người có quyền trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Tại phiên tòa, Bà A xác định cháu Trường, cháu Nhơn đã trên 07 tuổi, Bà A có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Qua lời trình bày của Bà A tại phiên Tòa thấy rằng, công việc hiện tại của Bà A hiện nay là đi làm mướn, thu nhập một ngày từ 100.000đ đến 200.000đ, hiện tại Bà A đang ở nhờ nhà mẹ ruột, chưa có nhà riêng. Xét thấy yêu cầu được nuôi hai con chung của Bà A là nguyện vọng chính đáng, nhưng điều kiện hiện tại của Bà A không đủ điều kiện về mặt kinh tế để nuôi hai con chung trong khi Bà A không yêu cầu ông Cường cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa tại 02 bản khai ngày 17/7/2018 thì cháu Trần Văn Trường có nguyện vọng được sống chung với mẹ, cháu Trần Văn Nhơn có nguyện vọng được sống chung với ba. Hiện tại cháu Nhơn đang sống chung với ông Cường. Do đó, trên cơ sở cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên và để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển bình thường của cháu Trường và cháu Nhơn. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trường cho Bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nhơn cho ông Cường được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Phạm Thị Ăn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị A xin ly hôn với Ông Trần Văn C.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với Ông Trần Văn C.

2. Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trần Văn Trường, sinh ngày 10/6/2001. Ông Trần Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trần Văn Nhơn, sinh ngày 12/02/2003.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của bên không trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì Bà A, ông Cường, người thân thích của cháu Trường, cháu Nhơn, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000đ. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí Bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002712 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí nên Bà A không phải nộp tiếp. Ông Cường không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đào Văn Hùng – Nguyễn Văn Minh

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ghên - Trương Thị Kim Tiến Bùi Ngọc Tuyến